

ĐỒN THÚ Ở TÂN CƯƠNG THỜI THANH VÀ NGƯỜI VIỆT NAM

(Tiếp theo và hết)

DƯƠNG LIÊM*

Tiết 2

Qua sự việc Càn Long đối xử với Hoàng Công Toàn như ở trên đây, có thể thấy, vị hoàng đế này không muốn tham gia vào việc tranh chấp nội bộ và thay đổi quyền lực ở Việt Nam lúc đó, để vùng biên giới được bình yên vô sự. Thế nhưng, việc tranh đoạt quyền bính ở An Nam vào năm Càn Long thứ 50 (1785) lại làm cho triều đình nhà Thanh can thiệp sâu vào tranh chấp nội bộ của nước láng giềng.

Tháng 6 năm 1785, nội chiến nổ ra ở An Nam. Vào lúc đó, quốc vương An Nam đã già yếu (89), con trưởng đã mất, cháu kế ngôi là Lê Duy Kỳ (90) thì còn nhỏ tuổi. Quốc ấn thì bị phụ chính là Trịnh Đổng chiếm giữ (91). Thổ tù (92) Tây Sơn là Nguyễn Nhạc lấy danh nghĩa diệt Trịnh Đổng, sai người em của mình là Thái Đức vương Nguyễn Huệ tiến đánh kinh đô của vua Lê. Không lâu sau, quốc vương An Nam qua đời, Lê Duy Kỳ chạy về Sơn Nam để tránh sự truy kích của họ Nguyễn.

Ngày 12 tháng 5 năm Càn Long thứ 53 (1788), di quan trấn Mục Mã (93) của Việt Nam là Nguyễn Huy Tú dẫn 62 người gồm mẹ, vợ, con của Lê Duy Kỳ và người tùy tùng (một thuyết khác thì nói là 64 người) vượt qua biên giới Việt Trung, gỏ cửa quan

[phòng biên giới] cầu viện quân Thanh. Tướng giữ cửa thấy đúng là họ bị truy sát, nên mở cửa tiếp nhận nhóm Nguyễn Huy Tú. Như vậy, nội loạn tranh đoạt ngôi vua giữa hai họ Lê, Nguyễn đã diễn biến thành chiến tranh giữa Thanh và An Nam (94). Lúc bấy giờ, Nguyễn Huệ chưa thể chiếm trọn được thiên hạ của họ Lê, các vùng Diễn Châu và Hoan Châu ở phía tây nam của kinh đô nhà Lê vẫn do các quan lại trung thành với họ Lê giữ.

Theo Nguyễn Huy Tú vượt sông đến kêu cửa quan, còn có nhóm Lê Vồng, Hoàng Ích Hiếu, Phạm Đình Hoan, họ đều là cựu thần của họ Lê, một lòng trung với chủ cũ.

Triều đình nhà Thanh quyết định lấy Tổng đốc Lương Quảng [Quảng Đông và Quảng Tây] là Tôn Sĩ Nghị làm thống soái, xuất binh để giúp Lê Duy Kỳ phục quốc. Sau khi lấy lại được kinh đô của nhà Lê, chiếu phong Lê Duy Kỳ là *An Nam quốc vương*. Do Tôn Sĩ Nghị khinh địch, nên đã thua Nguyễn Huệ vào ngày sóc [mồng một] tháng Giêng năm Càn Long thứ 54, quân Thanh đại bại, Lê Duy Kỳ bỏ nước mà chạy vào đất Trung Quốc. Tôn Sĩ Nghị chen vượt sông Phú Lương, và phá cầu treo để cắt không cho người sau đi được nữa. Để đốc Hứa Thế Hanh và quan binh phụ dịch còn

* Viện Nghiên cứu Văn học - Viện KHXH Trung Quốc

ở lại bên này bờ sông hơn một vạn người đều bị chết đuối. Tôn Sĩ Nghị rút về đến Trấn Nam quan (nay là Mục Nam quan), đốt bỏ toàn bộ xe lương và vũ khí ở ngoài cửa quan đến mấy chục vạn.

Nguyễn Huệ lượng thời thế để tiến thoái, lại sợ Xiêm sẽ đánh ở phía sau, nên nhân khi thắng lợi thì cầu hòa [với nhà Thanh], và đổi tên thành Nguyễn Quang Bình. Vua Càn Long cũng đồng ý bãi binh. Thi nhân cuối đời Thanh là Hoàng Tôn Hiến (95) có làm thơ vịnh về sự kiện này trong bài *Thiên truyện về Việt Nam*: “Lê Mạc rồi Nguyễn cũ và Nguyễn mới (96), bên này vong thì bên kia lại nổi lên (97)”. Liên quan đến quá trình đưa quân vào Việt Nam, có thể xem hai quyển đầu trong bộ sách *Bình định An Nam phương lược* gồm 30 quyển do Phương lược quán triều Thanh biên soạn (98).

Lê Duy Kỳ cùng mẹ, có sự trợ lực của nhóm đại thần thân tín như Hoàng Ích Hiếu, lại một lần nữa kêu cứu với triều đình nhà Thanh. Càn Long lệnh cho ông ta cùng quyến thuộc đến Bắc Kinh cho biên chế vào đội quân Nuơng Hoàng Kỳ của quân đội Hán (99), cho Lê Duy Kỳ được nhận chức Tá lĩnh, và đặc biệt hưởng hàm tam phẩm (Tá lĩnh vốn là hàng tứ phẩm). Càn Long cũng lệnh cho Nguyễn Quang Bình kiểm tra xem có còn thân thuộc của Lê Duy Kỳ ở trong nước không, có thì hộ tống đến biên giới.

Lê Duy Kỳ đến Bắc Kinh chỉ được mấy tháng, thì vào mùa đông năm Càn Long thứ 55, bỗng nhiên đề nghị với người quản lý là Đô thống Kim Giản (100) rằng: muốn trở về An Nam, và xin được bố trí cho một chỗ ở trong 4 phủ là Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Quang Hóa (101). Càn Long nghe lời tấu của Kim Giản thì trách là: “ngu muội không hiểu biết gì, không có gì quá đáng

như vậy!”. Kim Giản cho rằng Lê Duy Kỳ nhu nhược không có năng lực, lần hành động ngu muội này có lẽ là do bọn thân tín Hoàng Ích Hiếu bày cho. Thế là, vào ngày Giáp Tý tháng 4 năm Càn Long thứ 56, vua Càn Long đã xuống một đạo dụ chỉ rằng:

黎维祁自到京以来，入旗受职，恩加养赡。仍敢听信黄益晓之言，妄请回国，自应将教唆之人加以惩治。已令将黄益晓等四名发往伊犁等处，入伍当兵，只准支食一半钱粮。……著将办理情况，谕令该国王知悉，并将朱世金简原折，发给阅看。

(*Tạm dịch*: Lê Duy Kỳ từ khi đến kinh đô, đã được biên chế vào đội và nhận chức, được hưởng ơn cấp cho phí dụng sinh hoạt. Nhưng dám cả gan nghe theo lời của Hoàng Ích Hiếu, can dõ xin về nước, cần phải giao bọn xúi bẩy đó tới để trừng trị. Lệnh đưa bọn Hoàng Ích Hiếu bốn người phát vãng tới Ili, biên chế vào quân đội ở đó, chỉ cấp cho một nửa số lương tiền... Hãy bàn bạc kỹ lưỡng tình hình, dụ lệnh cho quốc vương của họ hiểu rõ, rồi mang nguyên thư có châu phê giao cho họ xem) (102).

Dụ chỉ được ban, Hoàng Ích Hiếu liền bị giải đến Ili là vùng cực tây của Trung Quốc, thành lính chiến đấu dưới trướng của tướng quân Ili, tức là đã thành quân sĩ ở vùng biên ải của triều đình nhà Thanh.

Trước khi Hoàng Ích Hiếu phát vãng Ili làm lính, vua Càn Long đã hai lần, vào ngày Giáp Thân tháng 6 năm Càn Long thứ 54 và ngày Kỷ Mão tháng 4 năm Càn Long thứ 55, đọc lời tấu về việc phạm nhân phát vãng tới Ili quá đông nên khó bề quản lý, rồi lệnh rõ: “Từ nay, cần phải tra xét rồi đưa các yếu phạm phân về các nơi như Dashengwula của Cát Lâm, và Solon, Dahuier, Hunchun, của Hắc Long Giang (103)”.

Việc phát vãng nhóm 4 người của Hoàng Ích Hiếu tới Ili lần này chủ yếu có mục đích là để Hoàng Ích Hiếu rời khỏi kinh thành,

không cho ông ta có thể xúi bẩy được Lê Duy Kỳ nữa. Có thể thấy là Hoàng Ích Hiểu có ảnh hưởng rất lớn đối với vị “thiên tử dụng cũng không đúng được” này (104).

Về tình hình của Hoàng Ích Hiểu tại Ili, không tìm được ghi chép trong sử liệu như *Thanh thực lục*, nhưng chúng ta có thể từ cuốn *Tây chinh lục* của một tội phạm lưu đầy khác là Vương Đại Khu mà phác ra một số nét ròi.

Vương Đại Khu, tên tự là Đàm Danh, hiệu là Bạch Sa, hay Thiên Sơn Ngự Giả [người đánh cá ở Thiên Sơn]. Người An Huy. Sinh năm Ung Chính thứ 10 (1732), mất sau năm Gia Khánh thứ 19 (1814). Năm Càn Long thứ 53 (1788) bị lưu đầy tới Ili, mãi đến năm Gia Khánh thứ 4 (1799) mới rời khỏi Ili về quê. Tác phẩm có *Tây chinh lục* gồm 8 quyển, biên soạn vào năm Gia Khánh thứ 19, nhưng hiện chưa thấy bản in cũ, chỉ thấy thạch bản do Hoa Tân quán xuất bản năm Dân Quốc thứ 11 (1922).

Quyển bốn mang tiêu đề “Tập soạn” trong *Tây chinh lục* có mục “Bốn câu chuyện về An Nam: cá chép hóa rồng, người giao long, mang thai, dục núi” (105). Tác giả đã nói rõ ngay ở đoạn đầu: “Tôi ngụ ở thành Tuy Định (106), gặp người nước An Nam là Hoàng Ích Hiểu”. Theo lời tự chú cho bài thơ “Kính tặng mấy câu quê kệch khi nhận lời mời của Lưu công ở Ất Các” ghi trong quyển năm mang tiêu đề “Tổn thảo” của *Tây chinh lục* rằng: “Mùa xuân năm Tân Hợi, Lưu công ở Ất Các giữ chức *Doanh du giới* trong thành Tuy Định mời tôi đến phòng học, dạy cho ba đứa con của ông ấy...” (107) thì có thể đoán: Hoàng Ích Hiểu vừa đến Ili liền bị phái tới làm lính ở Tuy Định (nay là huyện Huo Cheng). Và sau đó không lâu thì gặp Vương Đại Khu - đang là thầy giáo ở đó. Khi nhàn rỗi, Hoàng Ích Hiểu đã kể cho Vương Đại Khu nghe

“bốn câu chuyện về An Nam”. Trong bốn câu chuyện ấy, đầu tiên là “cá chép hóa rồng” ghi rằng: trong núi Tân Viên ở huyện Sơn Tây của nước An Nam có thác nước, cá chép ở sông Phú Lương nhảy vọt qua thì hóa rồng. Chuyện còn kể: nếu không nhảy qua thác nước thì sẽ vỡ đầu mà chết “đến khi, quan xem xương của những con cá ấy như thực sự là xương của rồng (108)”. Câu chuyện này cũng như 3 câu chuyện khác thuần túy là chuyện phiếm nước ngoài, là hư cấu của các nhà tiểu thuyết. Thế nhưng, ở sau chuyện “cá chép hóa rồng”, Vương Đại Khu cho biết: “Hoàng khi ở nước mình thì làm tới chức công phụ. Thời nhỏ hay xem việc này nên biết rõ (109)”.

Quyển bảy mang tiêu đề “Cung âm [Tiếng bước chân]” trong *Tây chinh lục* còn chép bài cổ thi chữ Hán theo thể ngũ ngôn của Hoàng Ích Hiểu là “Xuân sơ tả hoài [Dãi bày nỗi nhớ nhân buổi đầu xuân]”. Ở dưới cái tên Hoàng Ích Hiểu có chú thích rằng: “Người An Nam, nguyên là tước công (110)”. Nếu nói đơn thuần về phương diện thơ thì “Xuân sơ tả hoài” không phải là bài thơ có kết cấu tốt, nhưng ở đây xem như là một bài thơ về Tây Vực do người An Nam viết, hơn nữa, nó còn có giá trị sử liệu, bởi vậy xin sao lục trọn vẹn:

春初叙几声，本有愿神灵。
土壤生槐桂，源流判涇泾。
鸡群曾独立，众鸟胜孤鸣。
不料延池火，真非掩耳铃。
三思何曲谨，一念矢忠贞。
思思双亲处，迢迢万里程。
情梳同拂拂，知酒引猩猩。
掉舌焉能巧，吹毛亦是轻。
忸怩蜂义大，寤寐蝶魂惊。
暗室无亏意，离家至切情。
雨阴悲蟋蟀，风静合浮萍。
事事从新好，云开见月明。

(Tạm dịch nghĩa:

Dầu xuân dài bày mấy lời, vốn có ý cầu
nguyện thần linh,

Đất đai sinh hộc và quế, dòng chảy phân
thành trong và đục,

Đàn gà từng độc lập, bầy chim thẳng
tiếng kêu cô độc,

Không ngờ bị cuốn vào việc nước lửa, há
phải che loa tai,

Nghĩ đi nghĩ lại xem cái nào là trọng,
một lòng tỏ trung trinh,

Tha thiết ngóng về nơi cha mẹ ở, dằng
dặc con đường vạn dặm,

Lưỡi chài chuốt nên trông như chó xù,
quen uống rượu nên tựa như tỉnh tỉnh,

Múa lưỡi thì có thể khéo léo, tóc thổi có
lẽ là do nó nhẹ,

Nổi xấu hổ về việc mình là phạm ông
kiến (111) thì rất lớn, trần trọc ôm giấc
mộng điệp mà kinh sợ,

Ở nơi chẳng ai thấy nên không có lòng
phản bội, rời bỏ nhà thật xót xa,

Đêm mưa không có tiếng đế, gió lộng
hợp với cảnh bèo trôi,

Mọi việc từ từ đổi thành tốt, mây tản đi
sẽ thấy được trăng sáng).

Đọc bài thơ, có thể thấy tâm tình không
ngủi ngủi đất nước và không thôi mong cha
mẹ tựa như nhẩy lên trên trang giấy. Chiều
xuân ở nơi biên thùy miền tây xa xôi, lúc
băng tuyết bắt đầu tan, một người lính nơi
biên ải đất khách không còn tâm trạng đau
mà chài đầu hay rửa mặt, lấy rượu để tiêu
sầu, trào dâng một nỗi buồn tha hương
không có cách nào khuây khỏa được. Không
cần nói đến sự hưng suy của Mạc, Lê,
Nguyễn, hay là bị hoàng đế Cần Long giáng
oan trện lỗi đình, (những suy luận như vậy)
đều không sao làm thay đổi được vết thương
lòng ban đầu. Kỳ vọng của Hoàng Ích Hiếu
là, sang năm mới có thể vượt đường vạn

dặm để trở lại quê nhà. Đọc xong bài "Xuân
sơ tả hoài", chúng ta thêm một lần nữa
hiểu rõ tâm cảnh của Hoàng Ích Hiếu khi
kể lại "bốn câu chuyện về An Nam": thực tế
là, ông chỉ mượn việc ấy để xả bớt nỗi
hương sầu đang chứa chất trong tim!

Mặc dù thân bị giữ ở Ili, nhưng Hoàng
Ích Hiếu chưa từng từ bỏ nguyện vọng được
trở về tổ quốc. Sau 13 năm đến làm lính ở
thành Tuy Định, vào năm Gia Khánh thứ 9
(1804), cuối cùng nhóm Hoàng Ích Hiếu
cũng được cho phép hồi quốc. Theo ghi chép
trong quyển 527 mang tựa đề "Thuộc quốc
- Nhị" trong *Thanh sử cảo*, thì năm đó "cho
những người An Nam được biên chế chức tá
lính và được gửi đến Giang Ninh, Nhiệt
Hà, Trương Gia Khẩu, Phụng Thiên, Hắc
Long Giang, Ili về nước, số tiến cấp cho có
khác nhau. Và cho [thi thử] Lê Duy Kỳ
[được] qui táng (112)". Vì thế, linh cữu của
vị quốc vương yếu mệnh "nhu nhược bất
tài" đã chết nơi đất khách được đưa về
nước, thân quyến và cận thần của ông cũng
lên đường hồi hương. Sự thay đổi thời cuộc
này chính là do tình hình trong nước của
An Nam lúc đó đã có những chuyển biến.

Sau khi Nguyễn Quang Bình (tức
Nguyễn Huệ) dẹp yên họ Lê, thì Nguyễn
Phúc Ánh - con của một ông họ Nguyễn là
con rể của vua Lê - dựa vào thế lực của
Xiêm La chiếm được Gia Định (tức Sài Gòn,
nay gọi là Tp. Hồ Chí Minh). Nguyễn Phúc
Ánh giương cờ "phục thù cho nhà Lê trước
đây" để hiệu triệu [dân chúng], cuối cùng
đã chiếm được toàn cõi An Nam và bắt được
An Nam vương Nguyễn Quang Toàn (con
của Nguyễn Quang Bình). Gia Khánh năm
thứ 8 (1803), đổi *An Nam quốc* thành *Việt
Nam quốc*, và sách phong cho Nguyễn Phúc
Ánh làm An Nam quốc vương. Trong bối
cảnh như vậy, ước mơ của Hoàng Ích Hiếu
mới được thực hiện.

Việc nhóm Hoàng Ích Hiếu được phép rời khỏi đón thú ở Ili về nước đã đưa đến ảnh hưởng khá lớn tới các giới ở Tân Cương. Chính vì vậy, đô thống Urumqi chuyển công văn đến Bộ Hình để hỏi có nên cho nhóm 22 hộ An Nam được gửi đến Toutun vào năm Càn Long thứ 36 cùng về nước luôn hay không? Bộ Hình chuyển cho bên quân cơ tìm hiểu nguồn gốc, bên quân cơ tra xét hồ sơ cũ và cho rằng: "các hộ An Nam này với nhóm Lê Duy Kỳ mà lần này được cho về nước đều là những người đến xin ở nhờ, nhưng tình tiết không giống nhau, xét thấy khó có thể xử lý giống nhau (113)". Hoàng đế Gia Khánh nghe theo lời tấu của quân cơ đại thần, và ra một dụ chỉ sau:

著传谕该都统，如此时黄公纘等各户无愿求回国之语，即当置之不论。倘伊等因闻黎维祁带来各户俱得还乡，亦欲思求旧国，该都统惟当谕以“尔等本与黎氏为仇，来投内地。而现在得国之阮福映即系黎氏旧臣。大皇帝虑尔等归国之后，转致失所，是以曲为体恤，不将尔等交回该国。尔等惟当乐业安居，不必再为妄议”。如此明白晓谕，伊等自当感激恩施也。将此谕令知之。

(Tạm dịch: Truyền dụ rõ tới cho quan đô thống rằng, nếu như các hộ của nhóm Hoàng Công Toàn không khẩn cầu được hồi hương, thì không cần bàn luận gì nữa, hãy cho họ ở đó. Giả như bọn họ vì nghe thấy việc các hộ do Lê Duy Kỳ mang tới đều được hồi hương, mà cũng khẩn cầu được về, thì quan đô thống hãy lấy lời sau khuyên bảo họ. "Các người vốn là cừu thù với nhà họ Lê, đã đến đây ở nhờ, mà hiện nay Nguyễn Phúc Ánh đã lấy được nước lại chính là cừu thù của họ Lê. Đại hoàng đế lo các người về nước rồi, lại bị mất nơi ở, ta thấy chỗ uẩn khúc đó mà tự cảm thấy thương tâm, mà không cho các người về. Các người hãy nghĩ rằng mình đang an cư lạc nghiệp, há gì lại phải cần dỡ xin về". Cứ truyền rõ ý

như vậy, tất bọn họ sẽ tự cảm kích ân điển được ban cho. Hãy mang dụ chỉ này đến cho họ rõ) (114).

Tuy Hoàng Công Toàn và Lê Duy Kỳ đều đã mất ở nơi đất khách, nhưng ở văn bản trên vẫn sử dụng tên của hai người để chỉ nhóm người đã di theo họ là để làm rõ nguyên ủy. Như vậy, quyền thuộc của Hoàng Công Toàn quả là khó có thể trở về cố quốc, khó có thể trở lại nhà xưa. Về sau, chính quyền sở tại cũng không còn xem họ là kiều dân ở nhờ tạm thời nữa, mà thực sự xem họ đã trở thành "không có gì khác với người dân bình thường", tăng thuế tùy theo chỗ đất họ khai khẩn. Họ trở thành cư dân chính thức ở Toutun, và khu vực Totunzi cũng có thêm một địa danh mới - An Nam công thôn. Tiếp sau đó, sử liệu không có ghi chép nào về những người nguyên là quốc dân Việt Nam nữa, và [muốn biết] nội dung cụ thể hơn một chút thì toàn phải dựa vào điều tra thực địa để bổ sung.

Tiết 3

Từ tháng 10 đến tháng 11 năm 1991, khi tới Tân Cương để thực hiện nghiên cứu về giao thông giữa Tân Cương thời Thanh với Tây Tạng, người viết bài này cũng đã tới Urumqi tiến hành điều tra sơ bộ về "An Nam công thôn".

Chúng tôi từng hi vọng là có thể tìm được hậu duệ trực hệ của các cư dân An Nam công sớm nhất (22 hộ người Việt Nam đã nói ở trên) tại Urumqi hay các huyện thị phụ cận, nhưng điều này rõ ràng không thể thực hiện ngay được trong vòng vài tuần với sức lực của một người.

Trong quá trình điều tra, ngẫu nhiên tôi biết được rằng, trong thời kì đại cách mạng văn hóa (1969-1970), Bảo tàng Tân Cương nghe nói có bia liên quan đến người Việt Nam ở nông trường Tam Bình nên đã từng cử người tới khảo sát. Nhưng bia đá đã bị

vở, do điều kiện của thời đó, vẫn chưa thể hiểu thêm tình hình.

Vì thế, ngày 26 tháng 11 năm 1991, tôi đến nông trường Tam Bình khảo sát. Cư dân ở đó cho biết, trừ người ở Đội Một ra, cư dân xung quanh đã không còn nhớ rõ chữ “An Nam công”. Qua các vị ở phòng tuyên truyền của nông trường, chúng tôi biết: cư dân ở An Nam công hiện tại (Đội Một) đều là người chuyển cư đến trong thế kỉ XX, các họ cũ hay hậu duệ của họ đều không thấy. Kinh qua chiến loạn ở thập niên 60-70 của thế kỉ trước [thế kỉ XIX], cuộc chém giết tàn nhẫn đã tan ngọc nát của Mã Trọng Anh (115) khi tiến đánh Urumqi vào đầu thập niên 30 của thế kỉ XX, cả vùng này tựa như rừng núi lại bị đốt phá một lần nữa, sinh kế không còn, bị xóa sổ toàn bộ. Điều này gợi ý cho tôi nghĩ rằng, nó đã làm cho người An Nam lớp đầu đến đây từ thời Thanh quyết định bỏ đi.

Đến Đội Một - An Nam công thôn - bị thu chi bộ Đảng Cộng sản Trung Quốc là Vương Thành Hoa tiếp đón chúng tôi. Ông gọi điện thoại mời thêm hai vị nông dân đã cư trú ở đây lâu tới để hỏi chuyện cũ.

Theo giới thiệu của Vương Thành Hoa: trong đám ruộng ở gần với nhà ở của An Nam công thôn vốn có một bãi tha ma bình vương chiếm tới vài mẫu. Trong bãi tha ma có hai ngôi mộ ở gần nhau, một lớn và một nhỏ, ở trước ngôi mộ lớn có một tấm bia đá. Bia được chế tác từ đá xanh lấy từ Nam Sơn, khổ 1,8m x 1,2m. Trên bia chỉ có 4 hàng chữ Hán viết từ trên xuống dưới, và chỉ nhớ được 3 chữ đầu tiên ở hàng ngoài cùng [lề phải] là *An Nam quốc*. Trong phương ngữ của vùng này, chữ *quốc* được phát âm gần giống với *công*, nên tôi lưu ý mà viết ra hai hàng chữ là “An Nam quốc” và “An Nam công” để nhờ ông Vương xác nhận giúp. Vương Thành Hoa chỉ rõ là “An

Nam quốc”. Ông còn nói: theo lời của những người Hồi cao tuổi lớp trên mình thì, đây là mộ của một nhân vật lớn, rất có thể lực. Thời nhỏ, ông ấy từng thả dê ở xung quanh bãi tha ma, người ta gọi đó là khu “Thạch bi tử [chiếc bia đá]”. Những người cao tuổi lớp trên gọi ngôi mộ ấy là “Hoàng cô phần” [người cô trong Hoàng tộc], và lại nói “Hoàng cô” có nghĩa là nhân vật lớn. Không còn nghi ngờ gì nữa, do gần giống âm, nên “Hoàng cô phần” (mộ của người cô trong Hoàng tộc) chính là biến ra từ “Hoàng công phần” (mộ của ông họ Hoàng).

Khi bình chỉnh đất đai trong thời kì “đại nhảy vọt” năm 1958, người ta dùng máy cày san bằng hai ngôi mộ và cả bãi tha ma, bia đá bị thất lạc, có nhiều khả năng là bị vùi lấp ở chỗ nào đó. Khi bãi tha ma được san bằng thì Vương Thành Hoa có mặt ở đó. Theo kế ức của ông, san bằng một vùng bao gồm cả nông điền bên cạnh, cũng không phát hiện được gì lộ ra từ lòng đất, có thể nghĩ rằng mộ [quan tài] được chôn khá sâu.

Chúng tôi đã sơ bộ khảo sát khu vực nông địa vốn có bãi tha ma. Bãi tha ma vốn tọa lạc ở phía Tây của một con đường lớn chạy theo hướng Bắc Nam. Trên mặt đất không còn thấy được bất cứ dấu tích gì. Vương Thành Hoa nói, bên cạnh mộ vốn có một đường dẫn nước đã bị bỏ hoang từ lâu, đó chính là “An Nam cừ” [mương An Nam] đấy!

Ngày 31 tháng 11 năm 1991, chúng tôi lại đến thăm một ông lão người Hồi, tên là Lư Văn Nghị, vốn đã ở An Nam công. Ông ấy trước đây là anh Hồng ở An Nam công, đã về hưu từ mấy năm trước, rồi rời khỏi làng, theo người con gái đang làm việc ở ngoại ô Thành phố Urumqi đến sống ở trên một quả đồi ở gần xưởng gạch Bajia Hu. Qua nhiều lần hỏi thăm, chúng tôi tìm được [nơi] ông Lư Văn Nghị đã 80 tuổi [đang cư trú].

Đầu tiên, Lĩ Văn Nghị nói về bãi tha ma (được gọi là) “chiếc bia đá”, về cơ bản là giống với nội dung mà Vương Thành Hoa nói. Ông bổ sung: hai ngôi mộ lớn nhỏ nằm kế nhau, bia đá được dựng ở trước ngôi mộ lớn. Ở mặt trước của bia, chỉ có 3 chữ “An Nam quốc” viết ở chỗ cao nhất là đọc được rõ ràng, mặt sau thì không có chữ.

Theo giới thiệu của Lĩ Văn Nghị, chỗ này vốn còn có một cái thành đất, rộng khoảng 2 mẫu, những người cao tuổi lớp trên nói đó là quan phủ thời Thanh. Tường bao quanh rất dày, có thể đi lại ở trên được, còn có cả đá chất thành đồng nửa (có thể xem là sử dụng để giữ thành). Tòa thành tọa Nam hướng Bắc, chỉ có một cửa là cửa Bắc. Mỗi bên cửa thành có một phòng hai gian, ở bờ thành tường phía Nam cũng có phòng hai gian, đó là kiểu phòng một trong một ngoài. Tòa thành đã bị phá dỡ vào cuối thập niên 1950, đất cũ ở tường thành được đem làm phân bón rải vào ruộng. Không còn nghi ngờ gì nữa, thành đất này chính là nơi ở của viên *thiên tổng* trạm Toutun - một trong 3 trạm quân lý 3 đồn diễn lớn ở Urumqi thời Thanh, và cũng chính là cái “thành đất” của “Toutun thuộc Changji” mà Triệu Quân Đồng đã nhìn thấy. Những người Việt Nam trong An Nam công là do thiên tổng “quản lý (116)”, khi mà Suo-huan-zhang và Tuo-de-lin (117) tấn công Umuqi ở thế kỷ XIX, chắc chắn là người Việt Nam đã cùng với người đồn thú thuộc các tộc người khác mang hết sức mình ra để bảo vệ tòa thành.

Chúng tôi hỏi đến việc bỏ đi của các hộ dân ở An Nam công thôn. Lĩ Văn Nghị cho biết: ông sinh năm 1911, sau khi lính của “tư lệnh trẻ ranh (118)” Mã Trọng Anh rút khỏi thành Urumqi, mới chuyển đến sống ở An Nam công thôn, lúc ấy chỉ mới 21 tuổi. Khi ông chuyển đến đây, trong thôn chỉ có

một hộ cũ người Hán mang họ Tể, còn lại đều là người Hồi. Nghe hộ họ Tể và các hộ cũ khác nói thì, khi bọn giặc Andijian (119) vào xâm lấn (chỉ cuộc xâm lấn của A Cổ Bá, và phản loạn của Sou-huan-zhang và Tuo-de-lin vào năm Đồng Trị thứ 3, tức năm 1864), cứ thấy người Hán là giết. Người ở trong An Nam công đều là người Hán (cái gọi là người Hán ở đây có nghĩa là người không theo Hồi giáo), không trụ lại ở làng của mình, mà chạy đến lánh nạn ở khu có nhiều người Hán tụ cư là Manasi [Manas] (120). Lưu tước sủy (chỉ vị chủ tướng dẹp yên cuộc tạo phản của A Cổ Bá là Lưu Cẩm Đường, ông từng được phong tước *hầu*, nên gọi là *tước sủy* (121)) tiến quân vào Tân Cương dẹp tan giặc Andijian, và đã lập đồn diễn cho người Hồi ở An Nam công, mời gọi mười mấy hộ người Hồi, cấp cho họ bò, giống, để an cư ở đó.

Theo hồi ức của Lĩ Văn Nghị có thể thấy, cách nay 120 năm, những người vốn là quốc dân Việt Nam ở An Nam công bị dồn vào tình thế phải vứt bỏ nhà cửa ruộng vườn đã gần bó với họ hơn 100 năm, đã di về phía Tây để lánh nạn binh hỏa. Do đó, chúng tôi lại phải khảo xét sử liệu để tìm hiểu tình hình Urumqi bị mất (122) và sự kháng cự lại dám làm phản A Cổ Bá của nhân dân vùng Manasi, Shishenze (phía Tây của An Nam công) ở thời điểm năm Đồng Trị thứ 3.

Năm Đồng Trị thứ 3 (1864), người Hồi ở Urumqi được tham tướng của quân đội triều đình Thanh là Suo-huan-zhang làm nội ứng, đã vùng lên vào ngày 12 tháng 6. Đêm đó, Hán thành ở Urumqi, là thành Dịch Hóa, bị vây hãm, quân Thanh đóng giữ ở Mãn thành, là thành Củng Ninh (123). Ngày 14 tháng 6, Nam thành của Tuy Lai (tức Manasi hiện nay) cũng bị người Hồi vây hãm. Quân đội nhà Thanh,

dưới sự giúp đỡ của các tổ chức nhân dân, từ thủ ở phía Bắc thành, tuy tạm thời có được sự trợ lực của phạm nhân tại các đồn điền xung quanh, nhưng thương vong thật thảm hại. Mãn thành Urumqi giữ được cho đến ngày 3 tháng 9, trong khoảng thời gian đó, có lần huyện lệnh Changji là Ân Cẩm từng hợp với quân của huyện Hutubi (124), tới 4000 người, mang lương thực đến cứu. Quân Thanh cố thủ ở Mãn thành Urumqi, hoàn toàn dựa vào sự cung cấp lương thực của nhân dân trong các đồn điền ở Changji và Hutubi, tuy mấy lần liền bị cướp nhưng "sự tiếp tế vẫn chưa bị tuyệt (125)" (126). Ngày 3 tháng 9, Mãn thành Urumqi bị hạ; ngày 11 tháng 9, Bắc thành của Tuy Lai bị hạ. Sau khi Bắc thành bị hạ, "may mà có Triệu Hưng Thế người ở Beiwucha (127) hợp rên những người có dũng khí, xây thành Trấn Tây doanh (128), thu thập tất cả những người dân bị nạn ở trong vùng, biến chế thành đội tự vệ (129)" (130). Đây là một lực lượng bảo vệ biên cương và nhân dân. Ở huyện Tuy Lai còn có Lí Triệu Hùng từng đỗ thứ hai vô cử với danh hiệu "ấp thân" [người có thể lực ở địa phương] vào thời Hàm Phong, trong thời gian chiến loạn, ông đã thu thập hơn 3000 người nông dân ở các đồn điền, giữ khu vực Huashulinzi của Shihezi (131), "một vùng có chỗ dựa vào, không còn sợ hãi; sau hội quân với Triệu Hưng Thế, mặc nhiên là lực lượng bảo vệ địa phương" (132).

Người Hồi nổi dậy, sau khi Urumqi và các châu huyện lần lượt thất thủ thì, tất cả phải cậy nhờ vào tổ chức (133) do các tội phạm bị lưu đày, dân hộ và những hậu duệ của họ lập ra; cư dân thuộc các tộc người mà đại biểu là người Hán được các tổ chức như vậy bảo vệ. Nhưng tổ chức có tiếng nhất thì, ngoài Triệu Hưng Thế và Lí Triệu Hùng, còn có tổ chức của Từ Học Công (134) và Khổng Tài hoạt động ở Nam Sơn. Đặc biệt,

năm Đồng Trị thứ 9 (1870), sau khi thế lực của A Cổ Bá - tự xưng là *pasha* [đại vương] - thôn tính xong vùng nam Tân Cương và tiến vào chiếm Urumqi, các tổ chức lấy người Hán làm lực lượng nòng cốt đó đã giảng hòa với người Hồi đang sống tại địa phương, bắt đầu hợp sức chống lại quân chiếm đóng của A Cổ Bá. Mãi đến năm Quang Tự thứ 2 (1876), Lưu Cẩm Đường mới lấy lại được Urumqi và các châu huyện phụ cận.

Từ bối cảnh được phác lại từ sử liệu như trên, tuy không thể hiểu được những cảnh ngộ cụ thể mà người trong An Nam công thôn thuộc trạm Toutun đã gặp phải trong chiến tranh tàn khốc suốt 12 năm, nhưng [những cảnh tượng như] thành Toutun đã bị phá hủy, đá tảng được xếp thành tường làm cho chúng ta liên tưởng đến việc người trong thôn đã quyết tử chiến đấu. Câu chuyện truyền khẩu về việc sau chiến tranh người trong An Nam công thôn đã chạy về Manasi - nơi mà người Hán có được địa bàn nhất định, cũng làm chúng ta hiểu ra rằng, khi người Hồi nổi lên, những người vốn là quốc dân An Nam của An Nam công đã hòa làm một với người Hán - tộc người chủ thể trong vùng - họ có chung vận mệnh, chung cảnh ngộ. Từ hiện thực là các tổ chức của Triệu Hưng Thế, Từ Học Công đã kinh qua những trận huyết chiến mà đứng vững ở mảnh đất không chịu khuất phục này, cũng có thể nghĩ rằng, người trong An Nam công thôn đã không tiếc máu xương hi sinh để bảo vệ nhà của đất đai cùng gia quyến. Họ không trở lại An Nam công nữa, chúng ta cũng mất manh mối liên quan đến nơi họ đã lưu lạc, nhưng rõ ràng, họ đã hòa làm một với đất đai Tây Vực - nơi mà họ đã đổ mồ hôi, nước mắt và máu. Họ bị đẩy đến chỗ phải rời bỏ quê hương và tổ quốc; ở quê hương thứ hai, họ đã cấy cày qua mấy đời người, sinh sôi con cháu hậu duệ, đến lúc họ có thể hưởng

những điều sau: cư dân trong vùng thừa nhận như người bản địa, quyền lợi về lao động, sinh hoạt và làm giàu. Họ cũng đã giao những thứ cần giao: đất đai mà họ khai khẩn từ rất lâu lại một lần nữa bị bỏ hoang, công trình thủy lợi mà họ đã đào cũng đã không còn, nhà cửa ruộng vườn của họ đã bị hủy hoại tất cả do chiến tranh khốc liệt “đốt sạch phá sạch (135)”. Ngày hôm nay, một lần nữa nhắc đến họ, chính là đã đến được thời điểm chấm một nét bút về họ trong khung lịch sử.

Chúng tôi thử dựa vào sử liệu và điều tra điền dã, đem những câu chuyện quá khứ bị thời gian vô tình dập nát thành những mảnh vụn để ghép nên một chương khúc lịch sử có đầu có cuối. Chúng tôi vẫn hi vọng có thể tìm được hậu duệ trực hệ của lớp người đầu tiên tới An Nam công thôn, bởi nhiều câu chuyện truyền miệng thu

thập được có thể giúp ích cho sự khẳng định điều hi vọng ấy. Có thể trong số họ có người đã chuyển đến cư trú ở miền nam, điều này có thể giải thích vì sao ở vùng hẻo lánh thuộc ranh giới giữa các tỉnh Tân Cương - Cam Túc - Thanh Hải, là huyện Rouqiang (136), vẫn có địa danh “An Nam bá (137); cũng có thể sau chiến tranh họ đã di cư đến Manasi hay thậm chí là các khu khai khẩn khác của Urumqi (138). Một phần của Hoàng Công Toàn nằm ở An Nam công thôn, nhưng sau chiến tranh thì trở thành một nấm mồ hoang không có người quét dọn và cúng lễ, điều này cũng có thể ngầm cho chúng ta suy đoán là tất cả người làng đã tuần nạn (139).

Chu Xuân Giao

Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện KHXH Việt Nam

(Dịch và giới thiệu)

CHÚ THÍCH

(89). An Nam quốc vương ở đây là chỉ vua Lê Hiến Tông với niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1786).

(90). Lê Duy Kỳ, tức vua Lê Mẫn Đế với niên hiệu Chiêu Thống (1787-1788) sau này.

(91). Trịnh Đống, ở đây có thể là Trịnh Khải (1782-1786) hoặc Trịnh Bồng (1786-1787), biện chúng tôi chưa rõ.

(92). Thổ tù: Từ trường địa phương.

(93). Trấn Mục Mã 牧马镇 thuộc tỉnh Cao Bằng ngày nay. Nguyên văn là: 牧马镇官兵阮辉宿 (Mục Mã trấn di quan Nguyễn Huy Tú).

(94). (*) Nội dung đoạn trên là tóm lược từ cuốn *Bình định An Nam phương lược*. Quyển 527 “Thuộc quốc nhị 属国二” trong *Thanh sử cảo* có ghi chép như sau: mùa hè năm Càn Long 53, “có đốc phủ Cao Bằng là Nguyễn Huy Tú dẫn 200 người là mẹ, vợ, tông tộc của Duy Kỳ từ Cao Bằng lên thuyềntrónchạy有高平府留阮辉宿者, 获维祁母妻家族二百口, 由高平登舟远遁, 有寇 vượt con sông là biên giới Việt - Trung, “những người không kịp vượt sông ấy thì bị quân truy đuổi giết cả 莫不及渡者,

尽为追兵所杀. Tư liệu trên chứng minh rằng vua Càn Long thấy cảnh ngộ khốn đốn của Lê Duy Kỳ - người cháu đích tôn của quốc vương An Nam, mà xuất quân mấy lần, vài ba bận hạ lệnh tìm kiếm ở các nơi.

(95). Hoàng Tôn Hiến (1848-1905), người Quảng Đông, nhà ngoại giao (với tư cách là công sứ đã đến Nhật Bản, Anh, Mĩ,...), nhà cải cách nổi tiếng (kêu gọi Trung Quốc noi gương Nhật Bản mà canh tân đất nước).

(96). Nguyễn cũ và Nguyễn mới: chỉ chúa Nguyễn (khởi từ Nguyễn Kim, Nguyễn Hoàng) và Nguyễn Tây Sơn.

(97). Nguyên ngữ của dòng thơ này trong trích dẫn của Dương Liêm: 肇莫新旧阮, 此亡彼兴勃 (Lê Mạc tân cựu Nguyễn, thủ vong bỉ hưng bộ).

(98). (*) Có bản ấn ảnh năm 1986 của Nxb Thư mục văn hiến, nhan đề sách được đổi thành *An Nam kí lược*, có bài tựa của Ngô Phong Bối.

(99). Nhượng Hoàng Kỳ: Một đơn vị hành chính thuộc vùng Nội Mông (Trung Quốc), tiếng Anh gọi

là Bordered Yellow Banner, tương đương với cấp huyện của Trung Quốc.

(100). Kim Giản (? - 1794), thời Càn Long giữ chức Đô thống đội Nhượng Hoàng Kì.

(101). (*) Theo cuốn *Lịch sử Việt Nam*, em của Lê Duy Kì là Lê Duy Đổ vẫn cố thủ ở Cao Bằng, cầm cự với Nguyễn Huệ, mãi đến năm 1791 (Càn Long thứ 56) thì mới bị Nguyễn Huệ tiêu diệt. Lê Duy Kì rõ ràng là muốn hợp quân với em trai để cùng mưu đồ phục quốc. Nhưng do đã hai lần để mất nước, ông ta đã bị thất sủng với Càn Long.

(102). (*) Xem Quyển 1377 trong *Thanh Cao tông thực lục*.

(103). (*) Xem quyển 1333 trong *Thanh Cao tông thực lục*.

(104). "Thiên tử dựng công không đứng được": nguyên văn là 扶不起的天子 (phù bất khởi đích thiên tử).

(105). Nguyên bản An Nhị Tứ Sự: 嬖倖、蛟人、孕宝、凿山”节 (An Nhị tứ sự: けいせん、ぎょうにん、うんぽう、さくさん) 節, ở đây, do chưa thể tra cứu nguyên bản để nắm được nội dung của 3 chuyện sau nên tạm dịch như vậy.

(106). Thành Tuy Định 绥定城: Chữ Tuy Định có nghĩa là vỗ vỗ để yên định.

(107). Nguyên văn đoạn này: 《应乙閣刘公轉便句奉題》诗自注: “辛亥暮, 绥定城中苦疫或乙閣刘公延予西席, 课其子...”

(108). Nguyên văn đoạn này: 如期, 官取其骨以为真龙骨也.

(109). Nguyên văn lời chú này trong trích dẫn của Dương Liễm 黄于其国, 位到公辅. 少时曾司其事, 故详.

(110). Nguyên văn lời chú thích này: An Nhị, 原公爵.

(111). Phận ong kiến: nguyên văn chỗ này trong trích dẫn của Dương Liễm là *phong nghĩa* 蜂义, nhưng chúng tôi đoán là ghi nhầm, vì không mang nghĩa gì. Theo chúng tôi, chữ đúng là *phong nghi* 蜂蚁. *Phong nghi* là ong và kiến, có một nghĩa chỉ những người dân thường thấp cổ bé họng (phận ong kiến), một nghĩa khác là kẻ phản loạn.

(112). Nguyên văn đoạn ghi chép này trong trích dẫn của Dương Liễm

達達置佐領及安插江宁、热河、张家口、奉天、黑龙江、伊犁等处安插人回国, 贾恒有差. 并许肇维祁归葬.

Lúc này, năm 1804, Lê Duy Kì tức Lê Chiêu Thống đã mất trên đất Bắc được gần chục năm (ông mất năm 1793, thọ 28 tuổi). Nhà Thanh cho phép thân quyến mang thi thể của cụ hoàng quý táng về Việt Nam.

(113). Nguyên văn đoạn này: 此项安插人户 与现在归回之肇维祁等同内投者, 情节不同, 自难一律办理.

(114). (*) Xem quyển 136 trong *Thanh Nhân tông thực lục*, ngày Nhâm Tuất tháng 8 năm Gia Khánh thứ 9

(115). Mã Trọng Anh, không rõ năm sinh năm mất, đại khái sinh năm 1912, mất năm 1937. Là quân nhân của Trung Hoa Dân quốc đã nhiều lần chinh thảo Tân Cương vào thập niên 1930.

(116). Quân ỉ 弹压: nguyên văn trong văn thư thời Thanh (xem lại Tiết 1 trong bài viết này) là hai chữ 弹压, tức là *đàn áp* nếu đọc theo âm Hán Việt. Tuy nhiên, nghĩa của *đàn áp* trong văn cảnh lúc đó có thể hiểu là *quản lí*.

(117). Suo-huan-zhang 索焕章 và 安福嶠 Tuo-de-lin hiện chúng tôi chưa tra được lai lịch của hai nhân vật này, chỉ tạm biết đó là những người Hồi đã đứng lên khởi nghĩa.

(118). Tư lệnh trẻ ranh 杂司令: Mã Trọng Anh tự xưng là *tư lệnh* khi mới 17 tuổi, nên được gọi là “tư lệnh trẻ ranh”.

(119). Andijan 安廉延, tiếng Nga là Андижан. Đây là tên một vùng đất, ngày nay là một thành phố thuộc Cộng hòa Uzbekistan.

(120). Manasi 玛纳斯 [Manas]: ngày nay là một huyện thuộc Tân Cương.

(121). Lưu Cẩm Đường (1844-1894), võ tướng thời Thanh, người Hồ Nam. Năm 1884, tỉnh Tân Cương được khai sinh, ông được cử làm tuần phủ. Có công lao đánh dẹp các cuộc phản loạn ở Tân Cương. Có để lại tác phẩm *Lưu tướng cần công tiểu cáo*.

Về nhân vật này, có thể xem thêm ở địa chỉ sau: http://www.xjass.com/lx/content/201009/05/content_163330.htm.

(122). Urumqi bị mất: vốn trong nguyên bản là 乌里失陷. Từ 乌里 (ô-đán) là tên địa danh, thuộc Tân Cương ngày nay.

(123). Mãn thành: Còn gọi là Lão Mãn thành, nằm ở phía Tây Bắc của Urumqi, nay là khu vực Đại học Nông nghiệp Tân Cương. Nguyên tên là Cung Ninh thành, đây là tên do chính Càn Long ban với nghĩa là "củng cố an ninh", được xây dựng năm Càn Long thứ 37 (1772). Đường thời, trong thành có nhiều quan binh Mãn Châu nên gọi là Lão Mãn thành hay Mãn thành. Năm Đồng Trị thứ 3 (1864), thành này đã bị phá hoại do nội loạn.

(124). Hutubi: tên địa danh, hiện là huyện Hutubi thuộc tỉnh Tân Cương.

(125). Sự tiếp tế vẫn chưa bị tuyệt: nguyên văn là 餉援未絕.

(126). (*) Xem trong *Urumqi thủ thành kỉ lược* 乌鲁木齐守城紀略 của Trương Canh. Sách này có bản in rời của *Lan châu quan thư cục* vào cuối đời Thanh.

(127). Beiwucha 北五岔: hiện nay là trấn Beiwucha thuộc huyện Manas (Manasi), tỉnh Tân Cương.

(128). Triệu Hưng Thế, nguyên quán ở tỉnh Sơn Tây, được xem là một anh hùng của Urumqi (được tôn xưng là Triệu Hoàng thượng, Triệu Đại nhân), đã tập hợp được hơn một ngàn người, xây thành lũy, phối hợp với quân của triều đình nhà Thanh dẹp loạn. Về nhân vật này, có thể xem thêm ở địa chỉ sau: <http://www.bt.chinanews.com/News/wenwei/201007/33282.html>.

(129). Nguyên văn đoạn này trong trích dẫn của Dương Liễm: 幸有北五岔戶民剋兴休者，团练戶勇，筑立鎮西營壘，所有本境之难民均收集之，编为团勇。Chữ "dội tự vệ" trong bản dịch là dịch thoát ý từ chữ "đoàn dũng 团勇" trong nguyên văn.

(130). (*) Xem mục "Bình sự lược 兵事录" trong sách *Tuy Lai huyện hương thổ chí* do Tri huyện Tuy Lai thời cuối Thanh là Dương Tôn úy soạn.

(131). Shihezi: ngày nay là Thành phố Shihezi thuộc tỉnh Tân Cương.

(132). (*) Xem mục "Kì cụ lục" trong sách *Tuy Lai huyện hương thổ chí*.

(133). Tổ chức: trong nguyên văn là *dân đoàn* 民团. Ở đây tạm dịch thoát nghĩa.

(134). Từ Học Công (1843-1912), nhà quân sự cuối thời Thanh. Ông nội của ông từng giữ chức *thiên tổng* ở tỉnh Cam Túc, còn cha đẻ thì từng giữ chức *bá tổng* ở khu vực Urumqi. Ông trở thành lãnh tụ của tổ chức dân chúng (dân đoàn), có công lớn trong dẹp loạn A Cổ Bá.

(135). Dốt sạch phá sách: là dịch thoát ý từ câu thành ngữ 犁庭扫穴 (lê đình tảo huyết: cày sân tiêu diệt hang ổ) trong nguyên văn.

(136). Huyện Rouqiang: hiện nay thuộc vào châu tự trị Mông Cổ Bayingolin 巴音郭楞蒙古自治州, thuộc tỉnh Tân Cương. Đó đúng là khu vực giao điểm giữa 3 tỉnh: Tân Cương, Cam Túc, Thanh Hải.

(137). (*) Xem cuốn *Tập bản đồ khu tự trị Duy Ngô Nhĩ - Tân Cương* (Tân Cương Duy Ngô Nhĩ tự trị khu địa đồ), xuất bản năm 1966, bởi ban biên soạn sách này. Ở điểm này, tôi thừa hưởng quan điểm của thầy Phương Cầu ở Đại học Sư phạm Tân Cương.

(138). Cập nhật thông tin về An Nam bá 安南霸: Trong bài "Urumqi tứ quí 乌鲁木齐四季" của cùng tác giả Dương Liễm in trong sách *Phát hiện Tân Cương* (Dương Liễm viết, Nxb. Văn nghệ Bắc Nhạc, Bắc Kinh, 2009), tại trang 125, tác giả lại kí âm là *An Nam bá* 安南坝. Chữ 霸 và chữ 坝 đều có âm là bá (Hán Việt), bà (Bắc Kinh). Quan trọng hơn, ông cho biết: qua kiểm chứng mới vỡ lẽ ra, *An Nam bá* và *An Nam công* không có mối liên hệ gì cả! *An Nam bá* là phiên âm (âm dịch) một địa danh nguyên gốc từ tiếng Duy Ngô Nhĩ, có nghĩa là "địa phương/vùng có mẹ", nên không có liên quan gì tới người Việt Nam!

(139). Cập nhật thông tin về bia mộ được xem là của Hoàng Công Toàn: Trong bài "Urumqi tứ quí" (2007, 2009) đã nói ở trên của cùng tác giả Dương Liễm, tại trang 121-124, tác giả cho biết là ông đã tiếp xúc với một tấm bia lớn được xem là bia mộ của Hoàng Công Toàn vào năm 2000 trong một chuyến công tác tại Tân Cương. Các đồng nghiệp của ông tại địa phương đã tìm được nó ở trong một đoạn mương. Tuy nhiên, bia ấy hiện không đọc được chữ, hoặc cũng có thể là bia vốn không có chữ.